

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 10-4-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với T phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Dên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thuận

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Dên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Phan Tiến D, sinh năm 1994; địa chỉ: số 20/407, Lê Đức T, phường 16, quận G, T phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1 Anh Lê Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh B; địa chỉ hiện nay: số 65, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh B (vắng có đơn);

2.2 Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Tiến D trình bày:

Vào ngày 17/01/2020, anh cho anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không kỳ hạn. Khi vay, hai bên có lập T văn bản là “Giấy mượn tiền”, nhưng trong nội dung không thể hiện thời hạn trả nợ và

mức lãi suất. Ngay sau khi vay, anh T và chị H có trả trước tiền lãi 1 tháng là 3.000.000 đồng nhưng sau đó lại không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như đã thỏa thuận.

Đến ngày 13/3/2021, anh yêu cầu trả lại tiền vay nhưng chị H, anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Sau đó, anh cũng đã nhiều lần tìm gặp để yêu cầu trả nợ nhưng chị H và anh T vẫn không có thiện chí và trốn tránh. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh số tiền vay là 100.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị H trình bày: chị thừa nhận vào ngày 17/01/2020, chị và anh T có vay của anh D số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất là 20%/tháng, không kỳ hạn. Khi vay, hai bên có lập “Giấy mượn tiền” nhưng trong nội dung không thể hiện mức lãi suất như đã thỏa thuận. Mục đích anh chị vay số tiền trên là để làm ăn. Ngay khi nhận tiền, anh chị đã trả trước cho anh D tiền lãi 1 tháng là 20.000.000 đồng, nên chỉ thực nhận số tiền là 80.000.000 đồng. Sau đó, do làm ăn khó khăn, dịch bệnh Covid nên anh chị không có khả năng trả lãi và tiền vay cho anh D. Ngày 03/01/2023, chị và anh T thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh B. Khi ly hôn, chị và anh T đã thỏa thuận toàn bộ tài sản và nợ chung sẽ giao lại cho cá nhân chị chịu trách nhiệm. Hiện anh T đã đi tu. Đến tháng 3/2021, anh D tranh chấp yêu cầu trả nợ vay nhưng do kinh tế gặp khó khăn nên anh chị không thể trả nợ theo yêu cầu của anh D. Hiện nay, đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, chị cũng đồng ý trả lại số tiền vay là 100.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Anh Lê Minh T trình bày: anh thừa nhận vào ngày 17/01/2020, anh và chị H có vay của anh D số tiền là 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận hợp đồng vay không kỳ hạn, lãi suất là 20%/tháng. Khi vay, hai bên có lập T văn bản là Giấy mượn tiền, nhưng trong văn bản này không thể hiện mức lãi suất vay. Sau khi lập văn bản mượn tiền, anh chị trả trước cho anh D 01 tháng lãi là 20.000.000 đồng nên số tiền thực tế nhận tại thời điểm đó từ anh D là 80.000.000 đồng. Sau đó, anh chị có trả lãi tháng thứ hai cho anh D, nhưng số tiền cụ thể thì anh không nhớ. Sau này, anh có nguyện vọng đi tu và được gia đình chấp thuận nên đã ly hôn và bàn giao lại tất cả nợ, tài sản cho chị H quản lý và tự chịu trách nhiệm. Do đó, anh không đồng ý liên đới cùng chị H trả nợ số tiền trên theo yêu cầu của anh D.

Tại phiên tòa:

Anh Phan Tiến D giữ nguyên trình bày, yêu cầu.

Anh Lê Minh T, chị Nguyễn Thị H vắng nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục:

Sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 35, 195 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là VBQPPL) có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại các điều 96, 97, 196, 209, 210, 211 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng và đầy đủ các quy định tại Điều 220 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS và các VBQPPL có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Anh D đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Chị H thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Anh T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D.

+ Buộc anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh D số tiền vay 100.000.000 đồng. Ghi nhận anh D không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh T, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay là 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Anh D cho rằng vào ngày 17/01/2020, anh T và chị H có vay của anh số tiền là 100.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên là loại hợp đồng vay có lãi,

không kỳ hạn, có lập T văn bản là “Giấy mượn tiền” nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể. Sau khi vay, do anh T, chị H chỉ trả một tháng lãi nên hai bên phát sinh tranh chấp, và anh yêu cầu trả lại tiền đã vay. Xét trình bày của anh D được chị H và anh T thừa nhận về việc có vay của anh D số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 17/01/2020, chỉ trả cho anh D một tháng lãi và chưa hoàn trả vốn, nên yêu cầu của anh D về số tiền 100.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị H cùng vay số tiền trên, thời gian vay tiền là trong thời kỳ hôn nhân nên anh T và chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay cho anh D là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó xét việc anh T, chị H cho rằng anh chị đã ly hôn, khi ly hôn anh chị đã tự thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho chị H quản lý nên chị H phải có trách nhiệm trả nợ là không có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của anh D là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh D không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% (100.000.000 đồng x 5%): do yêu cầu khởi kiện của anh D được chấp nhận nên anh T và chị H phải liên đới nộp số tiền là 5.000.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Tiến D. Buộc anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Tiến D số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ghi nhận anh D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới nộp số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Trả lại cho anh Phan Tiến D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000120 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Dên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Dên